

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 10 - 2025

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Công Điện;

Ông Nguyễn Văn Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Yên Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Cần Thơ.

Ngày 24 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1977

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang (nay là xã H, thành phố Cần Thơ). Có mặt.

- Bị đơn: Nguyễn Văn K, sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang (nay là xã H, thành phố Cần Thơ). Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ú trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn là ông Nguyễn Văn K tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1995, không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, dẫn đến hôn nhân không còn hạnh phúc. Do đó, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Hạnh D, sinh năm 1996 và Nguyễn Thị Hạnh D1, sinh năm 1999. Hiện đều đã trưởng thành và đều đã

lập gia đình riêng.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bị đơn; về con chung: Điều đã thành niên và điều đã lập gia đình riêng nên không yêu cầu; về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại văn bản ngày 01 tháng 10 năm 2025, bị đơn là ông Nguyễn Văn K có lời trình bày thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn. Bị đơn đồng ý ly hôn; về con chung: Điều đã thành niên và điều đã lập gia đình riêng nên không yêu cầu; về tài sản chung, nợ chung: Thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Xuất phát từ mâu thuẫn vợ chồng, các đương sự đã sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay, thời gian sống ly thân đã lâu, nhưng các đương sự không gặp gỡ để bàn biện pháp hàn gắn quan hệ hôn nhân; bỏ mặc vợ, chồng để sống ly thân; không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Chứng minh hôn nhân giữa các đương sự đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, xét hôn nhân giữa các đương sự tuy xuất phát từ sự tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn.

[3.2] Về con chung: Xét con chung của các đương sự đều đã trên 18 tuổi và đã lập gia đình riêng nên không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Ú và ông Nguyễn Văn K.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ú phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003933 ngày 01 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố C thành án phí, không ai phải nộp thêm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 13 - Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Hữu Thắng